

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III
PETROLIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN CHO NIÊN ĐỘ KẾT
THÚC VÀO NGÀY 31/12/2007**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007	4-7
Báo cáo kết quả kinh doanh cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2007	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2007	9-10
Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2007	11- 31

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Xây Lắp III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Xây Lắp III - Petrolimex được thành lập theo:

- Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08 tháng 06 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2004 và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 02 tháng 01 năm 2007.

Trụ sở chính được đặt tại số 232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc lần lượt đặt tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và 1 chi nhánh hạch toán báo sổ đặt tại Nhà Bè.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV;
- Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường;
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán tơ lụa, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc, khí đốt hoá lỏng (gas, acetylen, oxy);
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Thiết kế, đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Xử lý nền móng công trình, xây dựng công trình bờ kè, bến cảng;
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở);

2. Thành viên của Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên
Ông Cung Quang Hà
Ông Đinh Quang Hiếu
Ông Đặng Đình Thắng
Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Chức danh
Giám Đốc
Phó Giám Đốc
Phó Giám Đốc
Phó Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2007 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

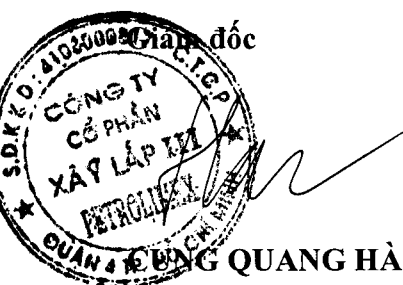
5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2007 cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2008



Số: 08.270/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Xây Lấp III - Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2007, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Xây Lấp III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

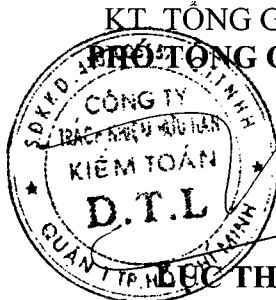
Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

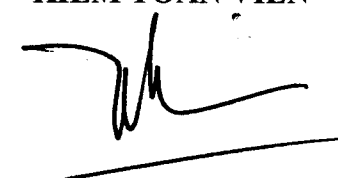
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xây Lấp III - Petrolimex vào ngày 31/12/2007 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2008

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**


Đ.T.L
ĐẶC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THUỶ PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.020.562.504	53.989.112.639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.664.114.412	7.715.545.296
1. Tiền	111		9.664.114.412	7.715.545.296
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	14.379.289.900	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		14.486.394.900	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(107.105.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	21.572.104.303	9.911.218.347
1. Phải thu khách hàng	131		7.641.781.634	7.216.592.959
2. Trả trước cho người bán	132		7.578.623.047	1.246.351.938
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.399.953.735	1.448.273.450
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(48.254.113)	-
IV. Hàng tồn kho	140		39.012.720.391	31.697.653.237
1. Hàng tồn kho	141	5.4	39.012.720.391	31.697.653.237
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.5	3.392.333.498	4.664.695.759
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.949.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		472.668.414	16.083.827
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.919.665.084	4.637.662.659

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.430.540.364	31.612.540.248
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.562.731.124	5.035.170.717
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	8.372.089.518	4.575.515.488
- Nguyên giá	222		11.683.658.259	7.117.224.843
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.311.568.741)	(2.541.709.355)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	190.641.606	459.655.229
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	244.591.902	-
- Nguyên giá	241		252.156.600	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(7.564.698)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	58.182.000.000	25.493.332.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		432.000.000	800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		760.000.000	200.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		56.990.000.000	24.493.332.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.441.217.338	1.084.037.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.441.217.338	776.795.808
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	307.241.723
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.451.102.868	85.601.652.887

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		87.445.957.284	58.935.085.192
I. Nợ ngắn hạn	310		87.346.602.545	37.102.794.662
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	23.187.457.208	5.433.322.885
2. Phải trả người bán	312	5.12	8.567.083.681	7.124.543.029
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	42.052.158.385	15.028.996.162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	2.788.888.073	2.747.235.467
5. Phải trả người lao động	315		600.786.954	968.457.440
6. Chi phí phải trả	316	5.14	470.528.225	718.132.597
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	379.159.272
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.15	9.679.700.019	4.702.947.810
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		99.354.739	21.832.290.530
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	21.800.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	5.14	21.341.420	32.290.530
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.14	78.013.319	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.005.145.584	26.666.567.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	68.563.100.536	26.285.456.649
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	21.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.258.140.000	2.100.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.561.096.479	1.056.199.194
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		365.812.830	271.256.749
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.378.051.227	1.858.000.706
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		442.045.048	381.111.046
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		442.045.048	381.111.046
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156.451.102.868	85.601.652.887

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

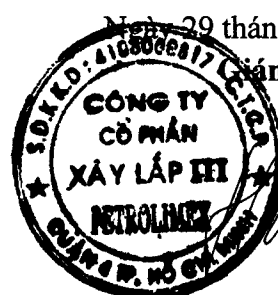
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		660,96	653,51
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ VÂN



Ngày 29 tháng 01 năm 2008

Kiểm Độc

CUNG QUANG HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

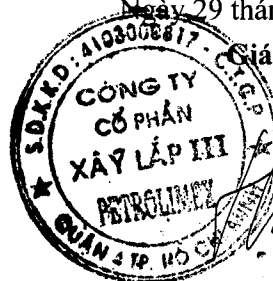
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	123.864.374.847	90.816.610.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	123.864.374.847	90.816.610.787
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	113.178.587.199	82.136.751.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.685.787.648	8.679.859.631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.265.007.589	892.482.818
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.745.905.146	1.377.748.974
Trong đó, chi phí lãi vay	23		5.540.345.272	1.368.224.818
8. Chi phí bán hàng	24		654.673.793	343.519.802
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.163.574.585	5.311.492.763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.386.641.713	2.539.580.910
11. Thu nhập khác	31		146.502.046	169.803.108
12. Chi phí khác	32		94.145.287	60.091.594
13. Lợi nhuận khác	40		52.356.759	109.711.514
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.438.998.472	2.649.292.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	-	990.838.865
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(307.241.723)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.438.998.472	1.965.695.282
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		14.671	51.038

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ VÂN

Ngày 29 tháng 01 năm 2008

Giám Đốc



CUNG QUANG HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		170.752.729.639	83.427.916.242
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(94.275.581.994)	(39.670.014.528)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.525.421.512)	(14.401.719.368)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.937.678.605)	(1.188.224.818)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(735.071.291)	(639.348.292)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.824.149.615	26.625.999.541
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(91.983.608.907)	(66.002.094.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.119.516.945	(11.847.485.452)
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.621.959.191)	(2.011.088.203)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(32.260.000.000)	(12.950.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		420.201.976	878.084.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.261.757.215)	(14.083.003.602)

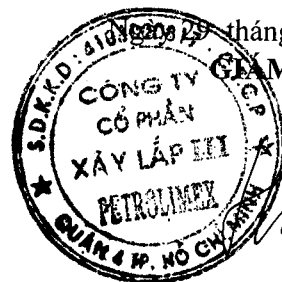
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		40.158.140.000	16.800.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay dài hạn, ngắn hạn nhận được	33		72.537.983.714	41.396.665.328
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(76.587.478.670)	(26.364.502.762)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.017.807.000)	(504.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.090.838.044	31.328.162.566
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50		1.948.597.774	5.397.673.512
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60		7.715.545.296	2.317.871.784
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	61		(28.658)	-
	70		9.664.114.412	7.715.545.296

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ VÂN

tháng 01 năm 2008

GIÁM ĐỐC**CUNG QUANG HÀ**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo:

- Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08 tháng 06 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2004 và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 02 tháng 01 năm 2007.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc lần lượt đặt tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và 1 chi nhánh hạch toán báo sổ đặt tại Nhà Bè.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh : xây lắp, thương mại và cung cấp dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV;
- Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường;
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán tơ lụa, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc, khí đốt hoá lỏng (gas, acetylen, oxy);
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Thiết kế, đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Xử lý nền móng công trình, xây dựng công trình bờ kè, bến cảng;
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là hình thức máy tính

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
+ Máy móc thiết bị	8 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải	8 – 10 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

4.5. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian 25 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc là số tiền thực tế đầu tư căn cứ vào Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc thực tế đầu tư căn cứ vào Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Kế toán các hoạt động liên doanh

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: căn cứ vốn điều lệ ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Ghi nhận cổ tức : Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế : Các quỹ dự trữ được trích lập theo Điều Lệ Công Ty theo các quy định pháp lý hiện hành từ lợi nhuận sau thuế sau khi đã được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định căn cứ theo khối lượng xây lắp được chủ đầu tư chấp thuận (thoả thuận trong hợp đồng). Đối với doanh thu và giá vốn tương ứng của các công trình do Công ty ký hợp đồng giao lại cho các đơn vị trực thuộc thực hiện sẽ được loại trừ trên báo cáo kết quả kinh doanh của toàn Công ty.

4.11. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	353.057.441	411.625.839
Tiền gửi ngân hàng	9.311.056.971	7.303.919.457
Cộng	9.664.114.412	7.715.545.296

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn :

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	(*) 14.486.394.900	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	(107.105.000)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư ngắn hạn	14.379.289.900	-

(*) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2007 :

		Số tiền
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(a)	1.486.394.900
Đầu tư khác	(b)	13.000.000.000
Cộng		14.486.394.900

(a) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2007 :

	Số cổ phiếu	Số tiền
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Xuất Nhập Khẩu Số 2	3.000	96.000.000
Công ty Xuất Nhập Khẩu Petrolimex	6.875	73.500.000
Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Dịch Vụ Hàng Hải STS	500	500.000.000
Công ty Cổ Phần Vận Tải Vitaco	3.861	46.332.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng 41	17.900	185.282.900
Mua chứng khoán từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt		585.280.000
Cộng		1.486.394.900

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(b) Tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng số 2007-0377/PGB-CORP ngày 23/11/2007. Khoản tiền gửi này đã được thế chấp cho Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex để đảm bảo khoản vay ngắn hạn.(xem chi tiết tại mục (5.11.1.c)).

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	(5.2.1)	7.641.781.634	7.216.592.959
Trả trước cho người bán	(5.2.2)	7.578.623.047	1.246.351.938
Các khoản phải thu khác	(5.2.3)	6.399.953.735	1.448.273.450
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.2.3)	(48.254.113)	-
Giá trị thuần của phải thu		21.572.104.303	9.911.218.347

(5.2.1) Chi tiết phải thu khách hàng tại văn phòng Công ty và các chi nhánh :

		Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại văn phòng Công ty		4.042.453.611	3.995.569.597
Phải thu khách hàng tại chi nhánh Cần Thơ		1.069.475.159	2.351.755.563
Phải thu khách hàng tại chi nhánh Nhà Bè		23.977.826	-
Phải thu khách hàng tại chi nhánh Đà Nẵng		450.770.545	764.999.000
Phải thu khách hàng tại chi nhánh Hà Nội	(*)	2.055.104.493	104.268.799
Cộng		7.641.781.634	7.216.592.959

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu của Công ty liên doanh Container Vinashin và Công ty Takasago lần lượt là 33.258,40 USD tương đương với 535.925.858 VNĐ và 1.816,10 USD tương đương với 29.264.635 VNĐ.

(5.2.2) Chi tiết trả trước người bán tại văn phòng và các chi nhánh :

		Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán tại văn phòng Công ty		7.055.459.797	973.534.234
Trả trước cho người bán tại chi nhánh Cần Thơ		217.313.500	100.680.000
Trả trước cho người bán tại chi nhánh Nhà Bè		280.440.000	79.537.704
Trả trước cho người bán tại chi nhánh Đà Nẵng		10.000.000	-
Trả trước cho người bán tại chi nhánh Hà Nội		15.409.750	92.600.000
Cộng		7.578.623.047	1.246.351.938

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.2.3) Chi tiết các khoản phải thu khác tại văn phòng công ty và các chi nhánh :

		Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác tại văn phòng công ty	(*)	6.141.482.076	1.252.020.899
Phải thu khác tại chi nhánh Cần Thơ		106.053.436	142.000.555
Phải thu khác tại chi nhánh Nhà Bè		126.215.023	3.820.496
Phải thu khác tại chi nhánh Đà Nẵng		26.059.065	50.431.500
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT nộp thừa		144.135	-
Cộng		6.399.953.735	1.448.273.450

(*) Trong đó, các khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng chi tiết như sau :

	Cuối năm
Nguyễn Đức Tuấn	10.150.000
Nguyễn Tiến Thanh (XN Cơ Khí)	38.104.113
Cộng	48.254.113

5.4. Hàng tồn kho

		Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu		425.590.628	991.568.715
Công cụ, dụng cụ		64.957.470	452.744.760
Chi phí SX, KD dở dang	(*)	34.792.233.136	29.826.611.762
Hàng hóa		3.729.939.157	426.728.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho		39.012.720.391	31.697.653.237
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện		39.012.720.391	31.697.653.237

(*) Chi tiết chi phí SXKD dở dang tại văn phòng Công ty và các chi nhánh :

		Cuối năm	Đầu năm
Chi phí SX, KD dở dang tại văn phòng Công ty	(a)	23.097.340.404	24.327.318.619
Chi phí SX, KD dở dang tại chi nhánh Cần Thơ	(b)	3.898.980.805	4.781.349.425

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí SX, KD dở dang tại chi nhánh Nhà Bè	-	51.871.067
Chi phí SX, KD dở dang tại chi nhánh Đà Nẵng (c)	1.614.955.489	134.379.473
Chi phí SX, KD dở dang tại chi nhánh Hà Nội (d)	6.180.956.438	531.693.178
Cộng	34.792.233.136	29.826.611.762

(a) Chi tiết công trình dở dang tại văn phòng Công ty vào ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Kho dầu khí PDC Cần Thơ – Nhà Bè	5.321.969.910
Móng bệ A28, A29-HĐ 4187 – Xăng dầu khu vực 2	5.197.847.440
XD kho cảng Cái Lân (HĐ 11/06)	2.875.125.271
Mở rộng kho xăng dầu Vũng Tàu – giai đoạn 3	2.490.007.388
Tháo dỡ, phục hồi bệ 3; 4 kho nước mặn	2.350.667.699
Móng bệ A19, A10- HĐ 2636- Xăng dầu khu vực 2	1.574.097.615
Bể thép 12.500m3 kho xăng dầu nước mặn	1.285.960.708
Các công trình khác	2.001.664.373
Cộng	23.097.340.404

(b) Chi tiết công trình dở dang tại chi nhánh Cần Thơ vào ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu – PX6 (Giồng Riềng)	764.566.526
Công trình kho thành phẩm và xưởng sản xuất Silicat	649.697.356
Hệ thống cấp nước khu công nghiệp Bình Long – An Giang	502.834.400
Cửa hàng xăng dầu Phường 8 - Bến Tre	478.698.410
Trường mầm non Chợ Mới	251.553.159
Cửa hàng xăng dầu Phương Nhân - Thốt Nốt	239.334.789
Cửa hàng xăng dầu Cái Nhum – Vĩnh Long	184.952.697
Nhà tang lễ - Bệnh viện Đa Khoa K.Lương	173.634.545
Cửa hàng xăng dầu Trung Hiếu – Vĩnh Long	147.630.751

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các công trình khác	506.078.172
Cộng	3.898.980.805

(c) Chi tiết các công trình dở dang tại chi nhánh Đà Nẵng vào ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Cửa hàng xăng dầu Hải Trường Quảng Trị	762.558.173
Xăng dầu nước mặn giai đoạn 2	529.376.801
Nhà kho và văn phòng công ty Gốm Sứ Toàn Quốc	180.355.746
Kho xăng dầu nước mặn	131.463.769
Bảo quản bể cửa hàng xăng dầu Quán Trị	11.201.000
Cộng	1.614.955.489

(d) Chi tiết công trình dở dang tại chi nhánh Hà Nội vào ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Công trình bồn xăng dầu Hà Nam Ninh	1.432.603.285
Hệ thống khí nén nhà máy đóng tàu Sông Thu	3.581.840.495
Toà nhà Licogi 13	732.871.730
Công trình kho xăng dầu FO Cái Lân Quảng Ninh	154.752.080
Các công trình khác	278.888.848
Cộng	6.180.956.438

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	10.949.273
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước (5.5.1)	472.668.414	16.083.827
Tài sản ngắn hạn khác (5.5.2)	2.919.665.084	4.637.662.659
Cộng	3.392.333.498	4.664.695.759

(5.5.1) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa cho Nhà Nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.5.2) Chi tiết tài sản ngắn hạn khác :

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	2.769.665.084	4.517.662.659
Ký quỹ, ký cược	50.000.000	20.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý - tại văn phòng Công ty	100.000.000	100.000.000
Cộng	2.919.665.084	4.637.662.659

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.355.296.467	1.588.912.050	2.719.375.540	453.640.786	7.117.224.843
Tăng trong năm	564.333.248	1.689.312.802	2.324.434.754	140.714.816	4.718.795.620
Tăng khác	-	-	124.837.786	39.887.499	164.725.285
Giảm khác	151.912.204	39.887.499	125.287.786	-	317.087.489
Số dư cuối năm	<u>2.767.717.511</u>	<u>3.238.337.353</u>	<u>5.043.360.294</u>	<u>634.243.101</u>	<u>11.683.658.259</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	578.820.296	704.890.008	976.507.931	281.491.120	2.541.709.355
Khấu hao trong năm	128.231.351	223.291.679	332.389.014	86.397.342	770.309.386
Tăng khác	-	-	119.704.020	-	119.704.020
Giảm khác	-	-	120.154.020	-	120.154.020
Số dư cuối năm	<u>707.051.647</u>	<u>928.181.687</u>	<u>1.308.446.978</u>	<u>367.888.462</u>	<u>3.311.568.741</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	<u>1.776.476.171</u>	<u>884.022.042</u>	<u>1.742.867.609</u>	<u>172.149.666</u>	<u>4.575.515.488</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.060.665.864</u>	<u>2.310.155.666</u>	<u>3.734.913.349</u>	<u>266.354.639</u>	<u>8.372.089.518</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp là 1.355.322.399 đồng (xem chi tiết tại mục (5.11.1.a))
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.302.031.363 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí XD CB dở dang	(*) <u>190.641.606</u>	<u>459.655.229</u>

(*) Chi tiết các công trình đang xây dựng dở dang vào ngày 31/12/2007

	Số tiền
Chi phí xây dựng Nhà Kiot 4 gian tại chi nhánh Đà Nẵng	76.974.545
Tường rào văn phòng xưởng Chi nhánh Cần Thơ	62.906.060
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ tại CN Cần Thơ	50.761.001
Cộng	<u>190.641.606</u>

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	-	252.156.600	-	252.156.600
Giá trị hao mòn lũy kế	-	7.564.698	-	7.564.698
Giá trị còn lại	<u>-</u>			<u>244.591.902</u>

- Chi tiết bất động sản đầu tư tăng trong năm là Nhà 20/9 Lê Hồng Phong tại chi nhánh Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	(5.9.1)	432.000.000	800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	(5.9.2)	760.000.000	200.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(5.9.3)	56.990.000.000	24.493.332.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		58.182.000.000	25.493.332.000

(5.9.1) Đầu tư vào Công ty TNHH Thiết Kế Xây Lắp Hiệp Thành với tỷ lệ vốn góp là 50,82%.

(5.9.2) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31/12/2007 :

	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền
Công ty TNHH Thương Mại Xây Lắp Điện Máy Thăng Long (tên cũ là Công ty Anh Chương)	44,44%	400.000.000
Công ty TNHH sản xuất dây và cáp điện Hoàng Phát	21,18%	360.000.000
Cộng		760.000.000

(5.9.3) Đầu tư mua 5.500.000 cổ phần của Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PG Bank).

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	776.795.808	398.197.885
Tăng trong năm	1.562.248.123	617.751.337
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	897.826.593	239.153.414
Số dư cuối năm	1.441.217.338	776.795.808

5.11. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng tại VPCT	(5.11.1)	20.637.957.208	5.093.322.885
Vay cá nhân	(5.11.2)	2.549.500.000	340.000.000
Cộng		23.187.457.208	5.433.322.885

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.11.1) Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng tại văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	(a) 9.502.517.208
NH TMCP Quân Đội – Chi nhánh Cần Thơ	(b) 2.135.440.000
NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex	(c) 9.000.000.000
Cộng	20.637.957.208

(a) Hợp đồng tín dụng : số 27/2007/HĐ ngày 15/06/2007

Hạn mức tín dụng : 14.000.000.000 đồng

Thời hạn vay : từ ngày ký kết đến hết ngày 31/05/2008

Lãi suất trong hạn : xác định theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn : bằng 150% lãi suất trong hạn.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Tài sản thế chấp :

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại các NH, các khoản phải thu của doanh nghiệp đã, đang và sẽ thực hiện.
- Thư bảo lãnh vay vốn 2.000.000.000 đồng do NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex phát hành.
- Các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 29/2007/HĐ ngày 15/06/2007 gồm:
 - Xe tải gắn cầu hiệu Hyundai, giá trị còn lại đến ngày 31/12/2007 là 457.898.472 đồng
 - Xe cần trục bánh lốp hiệu SamSung SC25H, giá trị còn lại đến ngày 31/12/2007 là 497.791.841 đồng.
 - Xe ô tô 7 chỗ hiệu Isuzu, giá trị còn lại đến ngày 31/12/2007 là 399.632.086 đồng.
- Quyền sử dụng thửa đất số 921,923, xã Phú Xuân, Nhà Bè với diện tích 260,76m² theo Giấy Chứng Nhận QSDĐ số 05/QSDĐ/1997 do UBND TP.HCM cấp ngày 13/01/2007. Giá trị quyền sử dụng đất này theo hợp đồng thế chấp tài sản số 34/2007/HĐ ngày 15/06/2007 được định giá là 151.000.000 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng : số 0040/2007/TD.NH-NHQĐ-CT ngày 08/02/2007

Hạn mức tín dụng : 10.000.000.000 đồng

Thời hạn vay : đến hết ngày 30/10/2008, mỗi khế ước không quá 6 tháng.

Lãi suất trong hạn : 1%/tháng

Lãi suất quá hạn : bằng 150% lãi suất trong hạn

Mục đích vay : bổ sung vốn thi công gói thầu CT-01 về xây lắp các hạng mục chính và phụ trợ thuộc dự án kho tiêu thụ sản phẩm dầu khí Cần Thơ theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

HD số 36/HĐ-XD ngày 23/11/2006 ký giữa công ty Chế Biến và Kinh Doanh Sản Phẩm Dầu Mỏ với công ty Xây Lắp III Petrolimex.

Tài sản thế chấp : tổng giá trị tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 39/2007/TC-NHQĐ-CT ngày 08/02/2007 là 911.500.000 đồng, cụ thể gồm :

- Quyền sử dụng 150 m² đất thổ cư tại Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00038QSDĐ do UBND Tỉnh Cần Thơ cấp ngày 02/06/1997 và toàn bộ tài sản có trên đất.
- Quyền sử dụng khu đất thuê 221,40m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012QSDĐ do UBND Tỉnh Cần Thơ cấp ngày 17/10/2003.
- Quyền đòi nợ từ hợp đồng kinh tế số 36/HĐ-XD ngày 23/11/2006 ký giữa Công ty Chế Biến và Kinh Doanh sản phẩm dầu mỏ với Công ty cổ phần Xây Lắp III Petrolimex.

(c) Hợp đồng tín dụng: số 83/2007/PG-HĐNH ngày 21/12/2007

Hạn mức tín dụng : 13.000.000.000 đồng

Thời hạn vay : từ ngày 21/12/2007 đến ngày 07/01/2008

Lãi suất trong hạn : 0,9%/tháng

Lãi suất quá hạn : bằng 150% lãi suất trong hạn

Mục đích vay : thanh toán tiền mua hàng có hoá đơn kèm theo

Tài sản thế chấp : toàn bộ tiền gửi có ký hạn tại NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex theo hợp đồng tiền gửi số 2007-0377/PGB-CORP ngày 23/11/2007 với trị giá 13.000.000.000đồng.

(5.11.2) Chi tiết vay cá nhân tại các chi nhánh tại ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Chi nhánh Cần Thơ	(a) 159.500.000
Chi nhánh Đà Nẵng	(b) 60.000.000
Chi nhánh Hà Nội	(c) 2.330.000.000
Cộng	2.549.500.000

(a) Chi tiết vay ngắn hạn tại chi nhánh Cần Thơ vào ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Phan Thị Cậy	75.000.000
Phan Thị Tuyền	84.500.000
Cộng	159.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(b) Chi tiết vay ngắn hạn tại chi nhánh Đà Nẵng vào ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Đinh Thị Sen	40.000.000
Phan Phụng Thu	20.000.000
Cộng	60.000.000

(c) Chi tiết vay ngắn hạn tại chi nhánh Hà Nội vào ngày 31/12/2007 :

Tên đối tượng	Hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Lãi suất	Số tiền
Vũ Việt Phú	05/2007-HĐV	16/04/2007	1%/tháng	140.000.000
Vũ Việt Phú	10/2007-HĐV	08/10/2007	1.2%/tháng	250.000.000
Đặng Quốc Bình	07/2007-HĐV	28/08/2007	1.2%/tháng	320.000.000
Trần Chí Thành	11/2007-HĐV	15/10/2007	1.2%/tháng	140.000.000
Nguyễn Thị Thu Huyền	09/2007-HĐV	28/08/2007	1.2%/tháng	800.000.000
Phạm Thị Thu Hằng	04/2007-HĐV	04/04/2007	1%/tháng	170.000.000
Lê Đình Thành	08/2007-HĐV	27/08/2007	1.2%/tháng	360.000.000
Nguyễn Thị Mỹ Tho	06/2007-HĐV	02/07/2007	1%/tháng	150.000.000
Cộng				2.330.000.000

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	(5.12.1)	8.567.083.681	7.124.543.029
Người mua trả tiền trước	(5.12.2)	42.052.158.385	15.028.996.162
Cộng		50.619.242.066	22.153.539.191

(5.12.1) Chi tiết phải trả người bán tại văn phòng Công ty và các chi nhánh :

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán tại văn phòng Công ty	4.518.394.042	4.358.392.183
Phải trả người bán tại chi nhánh Cần Thơ	812.867.611	967.225.189
Phải trả người bán tại chi nhánh Nhà Bè	56.091.679	1.084.879.756

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải trả người bán tại chi nhánh Đà Nẵng	542.641.648	298.573.901
Phải trả người bán tại chi nhánh Hà Nội	2.637.088.701	415.472.000
Cộng	(*) 8.567.083.681	7.124.543.029

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ sau :

	31/12/2007	
	USD	VNĐ
Oil Technology Pte Ltd	9.060,00 Tương đương	145.503.482
Oval – Itech Control and Engine	35.034,40 Tương đương	561.356.992
Oil Technology Pte Ltd - Singapore	8.733,43 Tương đương	139.935.749
Công ty TNHH CNC - Chi nhánh Hà Nội	34.016,83 Tương đương	548.147.199
Cộng	86.844,66	1.394.943.422

(5.12.2) Chi tiết người mua trả trước tại văn phòng Công ty và các chi nhánh :

	Cuối năm	Đầu năm
Người mua ứng tiền trước tại văn phòng Công ty	34.926.343.695	11.916.499.525
Người mua ứng tiền trước tại chi nhánh Cần Thơ	1.227.040.744	3.112.496.637
Người mua ứng tiền trước tại chi nhánh Đà Nẵng	826.771.738	-
Người mua ứng tiền trước tại chi nhánh Hà Nội	5.072.002.208	-
Cộng	(**) 42.052.158.385	15.028.996.162

(**) Chi tiết một số đối tượng người mua ứng tiền trước có số dư lớn vào ngày 31/12/2007

	Số tiền
Chi nhánh Công ty Tài Chính Dầu Khí	22.000.000.000
Móng bể A28, A29 – HD 4187	5.623.000.000
Công ty Sông Thu	3.066.149.100
Công ty Chế Biến và Kinh Doanh sản phẩm dầu mỏ	1.914.021.953
Công ty xăng dầu khu vực 5	1.499.450.000
Cộng	34.102.621.053

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	2.772.700.880	2.145.455.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	569.644.600
Thuế thu nhập cá nhân	16.187.193	12.041.591
Các khoản phí, lệ phí khác	-	20.094.085
Cộng	2.788.888.073	2.747.235.467

5.14. Chi phí dự phòng phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí phải trả	(5.14.1) 470.528.225	718.132.597
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	21.341.420	32.290.530
Dự phòng phải trả	(5.14.2) 78.013.319	-
Cộng	569.882.964	750.423.127

(5.14.1) Chi phí trích trước cho các công trình xây dựng tại thời điểm 31/12/2007.

(5.14.2) Dự phòng chi phí bảo hành phải trả cho các công trình tại thời điểm 31/12/2007.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	258.557.023	113.019.248
Bảo hiểm xã hội	79.511.049	35.928.048
Bảo hiểm y tế	10.738.429	6.042.137
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(*) 9.330.893.518	4.547.958.377
Cộng	9.679.700.019	4.702.947.810

(*) Chi tiết một số khoản phải trả khác có số dư lớn vào ngày 31/12/2007 :

	Số tiền
Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam	4.430.766.990
Nguyễn Đình Thiệu	546.749.218
Cửa hàng tư lự 38 Đồng Khởi	404.856.297

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Hoàng Khải	340.000.000
Công đoàn PG Bank	487.500.000
Cộng	6.209.872.505

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	4.200.000.000	-	2.028.577.361	2.167.840.415	8.396.417.776
Tăng vốn năm trước	16.800.000.000	2.100.000.000	-	-	18.900.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	2.649.292.424	2.649.292.424
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(504.000.000)	(504.000.000)
Thuế TNDN phải nộp	-	-	-	(990.838.865)	(990.838.865)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	307.241.723	307.241.723
Trích quỹ	-	-	1.398.878.582	(1.671.176.612)	(272.298.030)
Chi quỹ	-	-	(2.100.000.000)	-	(2.100.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(100.358.379)	(100.358.379)
Số dư cuối năm trước	21.000.000.000	2.100.000.000	1.327.455.943	1.858.000.706	26.285.456.649
Số dư đầu năm nay	21.000.000.000	2.100.000.000	1.327.455.943	1.858.000.706	26.285.456.649
Tăng vốn năm nay	29.000.000.000	11.158.140.000	-	-	40.158.140.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.438.998.472	3.438.998.472
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(1.008.000.000)	(1.008.000.000)
Trích quỹ	-	-	599.453.366	(883.121.606)	(283.668.240)
Tăng khác	-	-	-	43.881.933	43.881.933
Giảm khác	-	-	-	(71.708.278)	(71.708.278)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	13.258.140.000	1.926.909.309	3.378.051.227	68.563.100.536

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	30%	15.000.000.000	6.300.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	70%	35.000.000.000	14.700.000.000
Cộng	100%	50.000.000.000	21.000.000.000

5.16.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	210.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	500.000	210.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 100.000 đồng / cổ phiếu.

5.16.4. Các quỹ

	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	1.561.096.479	1.056.199.194
Quỹ dự phòng tài chính	365.812.830	271.256.749
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	442.045.048	381.111.046
Cộng	2.368.954.357	1.708.566.989

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thương mại	18.445.064.778	9.139.942.034
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.942.146.212	3.786.034.473
Doanh thu xây lắp	100.477.163.857	77.890.634.280
Doanh thu thuần	123.864.374.847	90.816.610.787

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động thương mại	17.082.438.010	7.920.172.047
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.988.597.963	2.266.555.672
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	93.107.551.226	71.950.023.437
Cộng	113.178.587.199	82.136.751.156

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	92.950.256	675.084.601
Lãi đầu tư mua bán chứng khoán	1.098.990.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.851.313.482	203.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	502.810	14.398.217
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.322.803	
Lãi bán hàng trả chậm	97.310.772	-
Lãi tiền cho vay	111.617.466	-
Cộng	6.265.007.589	892.482.818

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng	1.358.867.093	1.368.224.818
Lãi tiền vay	4.181.478.179	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	62.150.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.027.496	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.786.190	9.524.156
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	107.105.000	-
Chi phí tài chính khác	9.491.188	-
Cộng	5.745.905.146	1.377.748.974

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán	3.458.810.819
Điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán khoản cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư	(4.851.313.482)
Lợi nhuận chịu thuế	(1.392.502.663)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

7. Những thông tin khác

7.1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

- Người phê duyệt báo cáo tài chính : Giám Đốc – Ông Cung Quang Hà
- Ngày phát hành báo cáo tài chính : 29 tháng 01 năm 2008.

7.2. Thông tin về các bên có liên quan

STT	Tên bên có liên quan	Mua hàng	Bán hàng
1	Công ty TNHH Điện Máy Xây Lắp Anh Chương	184.660.918	-
2	Công ty TNHH Xây Lắp Công Nghiệp Hiệp Thành	983.748.193	175.150.501
3	Công ty TNHH sản xuất dây và cáp điện Hoàng Phát	5.038.260	400.909.240
Cộng		1.173.447.371	576.059.741

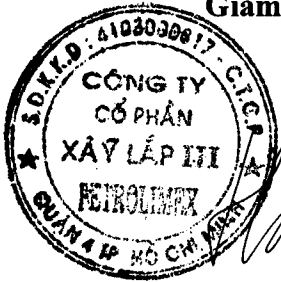
Ngày 29 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng

Yun

NGUYỄN THỊ VÂN

Giám đốc



CUNG QUANG HÀ